

Số: 78/2023/QĐST-HNGĐ

Quận Y, ngày 03 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 143; Điều 149; Điều 212; Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ việc dân sự thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1) Ông Le Thanh D, sinh năm 1947

Địa chỉ thường trú: 3140 ED, SJ, CA 95148, HK.

Địa chỉ liên lạc: 5.18 Lô K, Lầu N, Phòng M chung cư P, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

2) Bà Lý Thị Kim T, sinh năm 1963

Địa chỉ: 338/20A đường L, Phường T, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số AAAA, Quyền số 0H do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 21/7/2009 cho ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[2] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 3 năm 2023, ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T thuận tình ly hôn và thỏa thuận các nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T cam đoan không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự chung với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy, việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận giữa ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T cam đoan không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự chung với cá nhân hay cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T cùng chịu, cụ thể:

- Ông Le Thanh D phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng ông Le Thanh D được miễn nộp lệ phí Tòa án theo khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (thuộc trường hợp người cao tuổi);

- Bà Lý Thị Kim T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010500 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H.

Như vậy, ông Le Thanh D và bà Lý Thị Kim T đã thi hành xong lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận Y;
- Chi Cục THADS Quận Y;
- UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận kết hôn số AAAA, Quyền số 0H cấp ngày 21/7/2009);
- Lưu: VP, Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Linh Sương